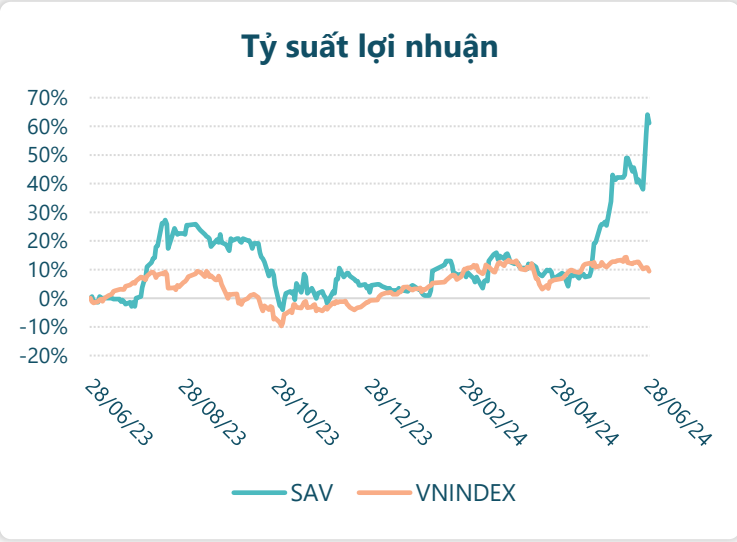


Ngày	19,150 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	20.4%	43.0%	53.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,408 - 19,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	475
Số lượng CPLH (CP)	24,794,195
KLGD BQ 20 phiên (CP)	233,980
Sở hữu nước ngoài	50.0%
Beta	0.42
EPS	831
P/E	23.1



Doanh thu thuần
Q2/24

253

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 37.0 | 17.3%

YoY: ▲ 39.0 | 18.4%

Nợ/VCSH
Q2/24

85.4%

YoY: +/- ▼ 0.4%

LN gộp
Q2/24

35.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.20 | 6.5%

YoY: ▲ 2.90 | 8.8%

ROE (TTM)
Q2/24

5.7%

YoY: +/- ▲ 8.1%

LN trước thuế
Q2/24

38.8

tỷ VNĐ

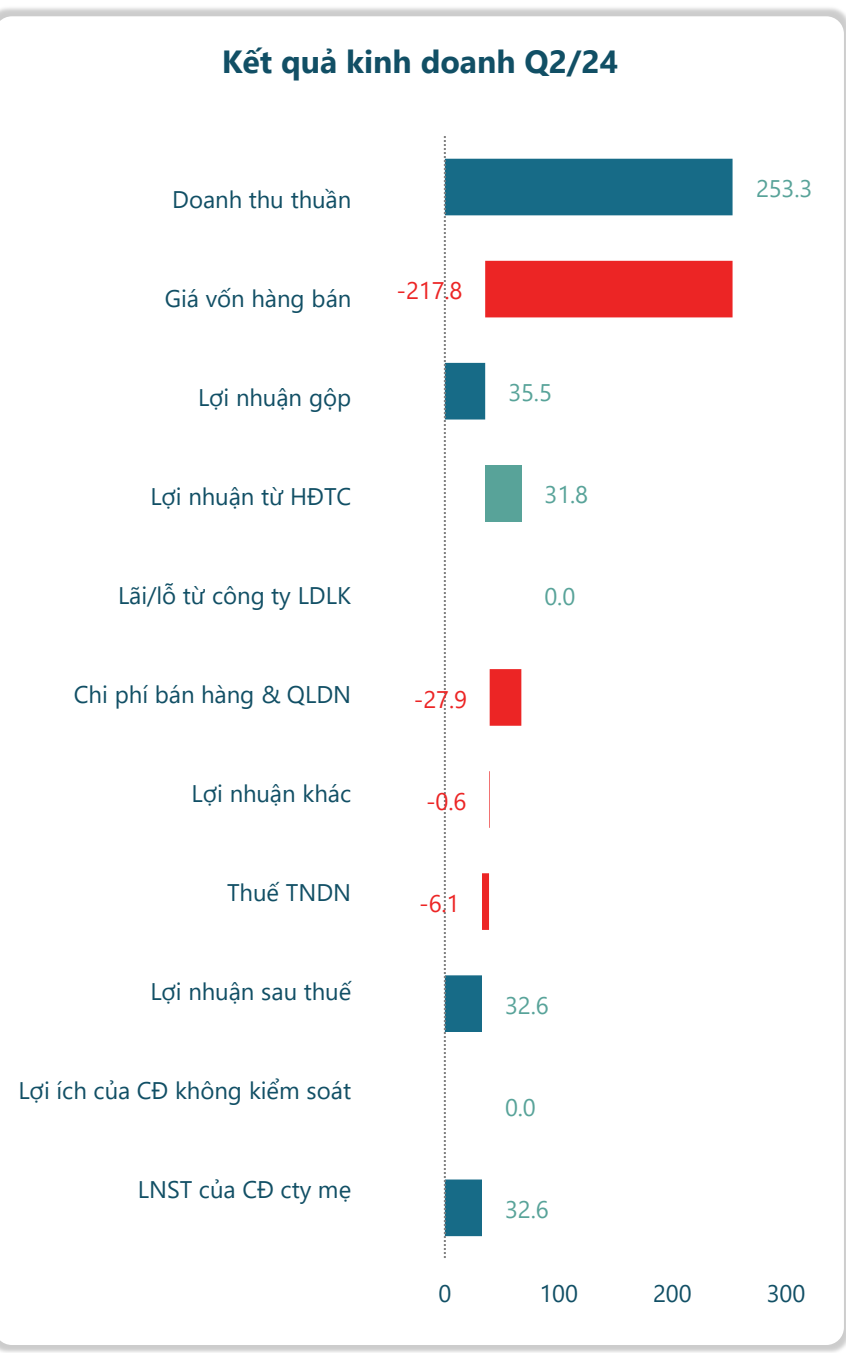
QoQ: ▲ 29.3 | 307%

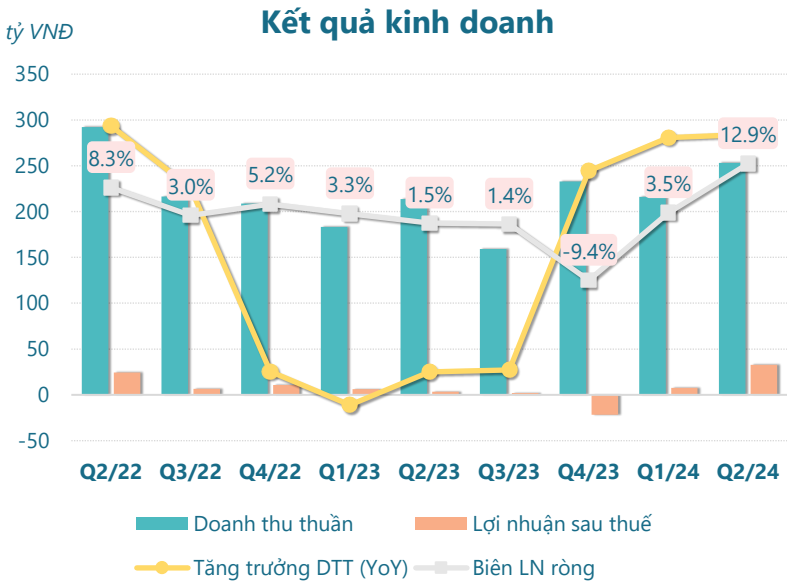
YoY: ▲ 34.7 | 837%

ROA (TTM)
Q2/24

3.1%

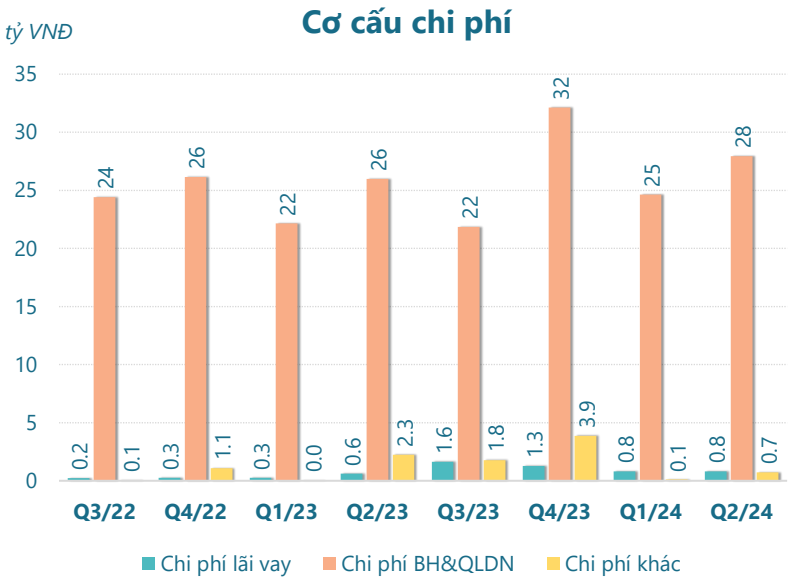
YoY: +/- ▲ 4.5%





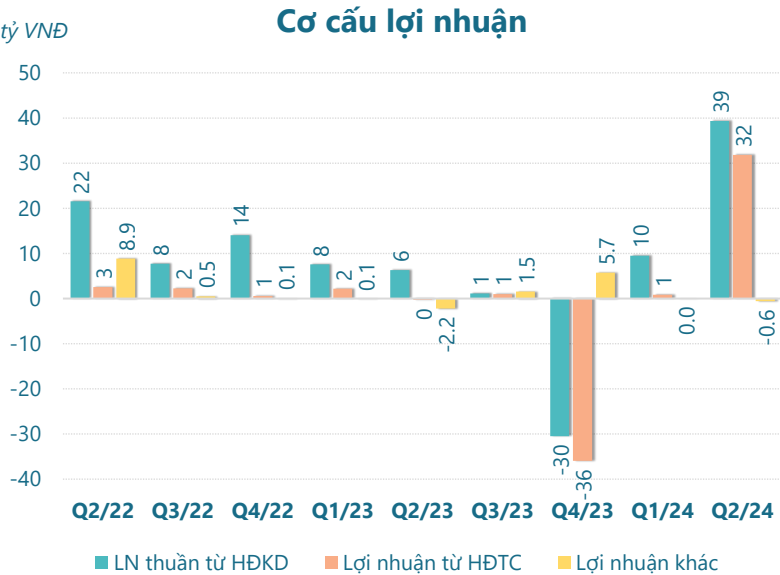
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 39.36 tỷ đồng**, tăng thêm 313% so với kỳ trước và cao hơn 522% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 31.82 tỷ đồng**, tăng thêm 3780% so với kỳ trước và tăng thêm 32.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.57 tỷ đồng** giảm đi 0.57 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.62 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SAV** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **253.3 tỷ đồng** tăng thêm **18.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 32.65 tỷ đồng, tăng trưởng 886%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **469.0 tỷ đồng** cao hơn 18.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 40.00 tỷ đồng** cao hơn 344% so với cùng kỳ năm trước.



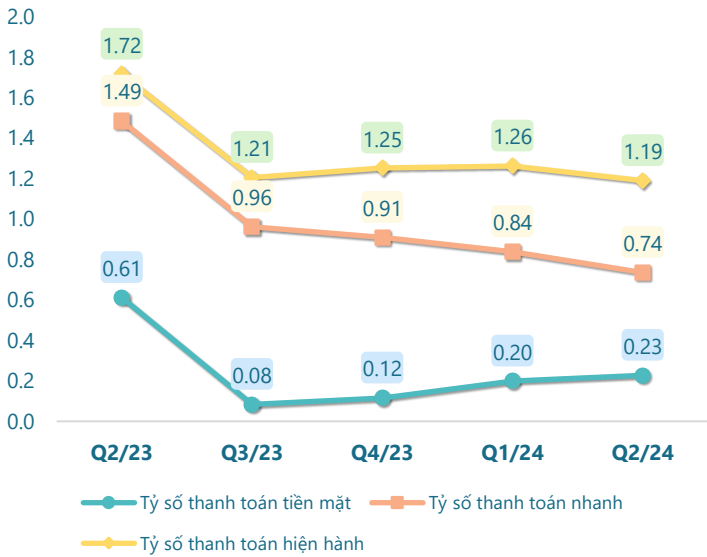
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.81 tỷ đồng** giảm đi 1.22% so với kỳ trước và cao hơn 28.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **27.94 tỷ đồng** tăng thêm 13.4% so với kỳ trước và cao hơn 7.54% so với cùng kỳ năm trước.

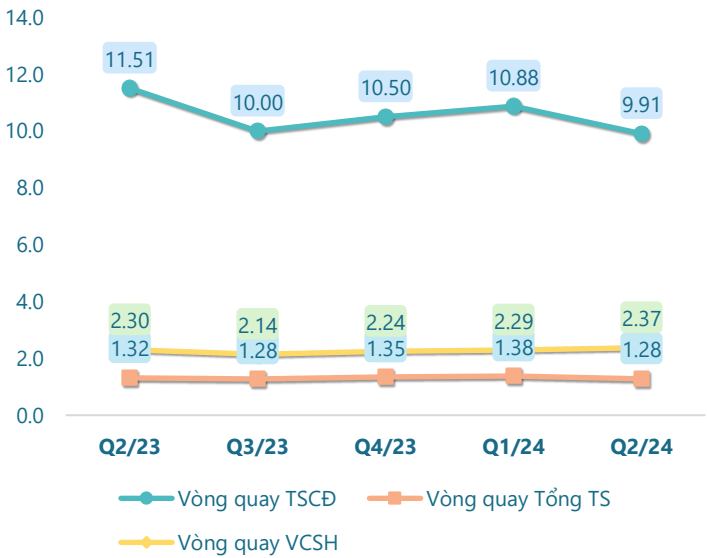
Chi phí khác bằng **0.74 tỷ đồng** tăng thêm 573% so với kỳ trước và thấp hơn 67.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	253	216	17.3%	214	18.4%	469	397	18.2%
Giá vốn hàng bán	218	183	19.0%	181	20.3%	400	337	18.9%
Lợi nhuận gộp	35.5	33.3	6.5%	32.6	8.8%	68.8	60.2	14.4%
Doanh thu HĐTC	3.21	2.14	49.8%	2.31	38.8%	5.35	5.33	0.3%
Chi phí TC	-28.6	1.33	-2251%	2.63	-1188%	-27.3	3.46	-889%
Chi phí lãi vay	0.81	0.82	-1.0%	0.63	28.9%	1.63	0.88	85.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	17.1	13.1	30.4%	14.2	20.3%	30.2	26.9	12.1%
Chi phí QLDN	10.8	11.5	-5.7%	11.8	-8.1%	22.4	21.2	5.6%
LN thuần từ HĐKD	39.4	9.52	313%	6.33	522%	48.9	13.9	251%
Lợi nhuận khác	-0.57	0.00		-2.19	74.0%	-0.57	-2.13	73.2%
LN trước thuế	38.8	9.52	307%	4.14	837%	48.3	11.8	310%
Lợi nhuận sau thuế	32.6	7.62	328%	3.31	886%	40.3	9.42	327%
LNST của CĐ cty mẹ	32.6	7.62	328%	3.31	886%	40.3	9.42	327%

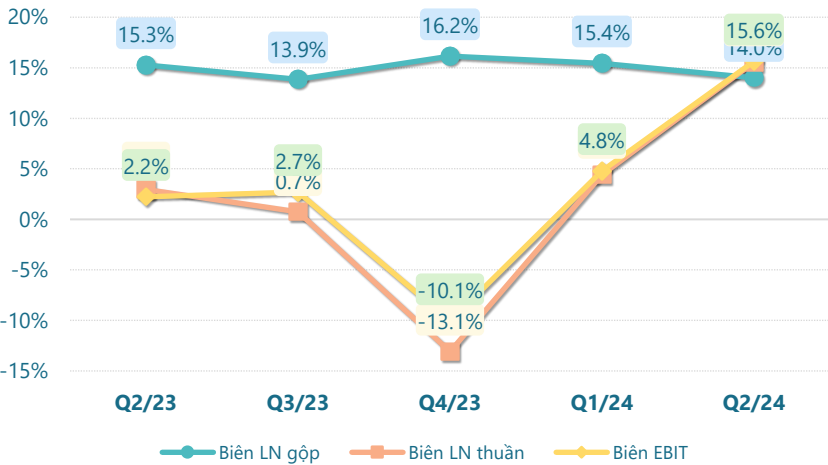
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

